

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm;
2. Ông Nguyễn Xuân Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Diệu H**, sinh năm 1996;
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;
Tạm trú: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:* Ông **Trần Hoàng L**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Văn bản trình bày ý kiến, Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Hoàng L kết hôn và đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2018. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông L sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, ông L không đồng ý cho bà đi làm xa, bà đi làm thì ông L dẫn người phụ nữ khác về sống chung như vợ chồng. Bà và ông L đã sống ly thân từ ngày 29/6/2021 đến nay. Do đó, nay bà xin được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2016 và Trần Hoàng A, sinh ngày 06/6/2014. Sau khi ly hôn, bà đồng ý để ông L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, bà cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông L không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa bà và ông L.

Theo Bản khai, bị đơn ông Trần Hoàng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Diệu H kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2018, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông và bà H sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bệnh, không lo được cho bà H nên bà H có mối quan hệ tình cảm với người khác. Ông và bà H đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay bà H xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2016 và Trần Hoàng A, sinh ngày 06/6/2014. Sau khi ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, ông thống nhất việc bà H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà H không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà H không có, không yêu cầu giải quyết.

Do đi làm xa nên ông xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa ông và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông L có phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân giữa ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H xin ly hôn với

ông L, ông L cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2016 và Trần Hoàng A, sinh ngày 06/6/2014. Bà H và ông L thống nhất sau khi ly hôn ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, bà H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy sự thống nhất trên giữa bà H và ông L là phù hợp theo quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà H và ông L đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bà H và ông L đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị Diệu H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với ông Trần Hoàng L, ông L hiện cư trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H và bị đơn ông L đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông L.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 28/02/2018 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì giữa bà H và ông L phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, ông L không đồng ý cho bà đi làm xa, bà đi làm thì ông L dẫn người phụ nữ khác về sống chung như vợ chồng, bà và ông L đã sống ly thân từ ngày 29/6/2021 đến nay, nay

bà xin được ly hôn với ông L. Còn theo ông L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bệnh, không lo được cho bà H nên bà H có mối quan hệ tình cảm với người khác, ông và bà H đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Theo Biên bản xác minh ngày 17/3/2023 thì trong quá trình chung sống giữa bà H và ông L có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H có mối quan hệ tình cảm với người khác. Bà H và ông L đã sống ly thân từ khoảng 03 năm nay.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông L đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà H và ông L đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà H vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông L cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác, bà H và ông L đã sống ly thân trong một thời gian dài và đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông L.

[4] Về con chung:

Bà H và ông L có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2016 và Trần Hoàng A, sinh ngày 06/6/2014. Bà H và ông L thống nhất sau khi ly hôn ông L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, bà H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Xét sự thống nhất trên giữa bà H và ông L là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung:

Bà H và ông L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung:

Bà H và ông L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diệu Hiền:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Diệu H được ly hôn với ông Trần Hoàng L.

- Về con chung: Bà Trần Thị Diệu H và ông Trần Hoàng L có hai con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 26/3/2016 và Trần Hoàng A, sinh ngày 06/6/2014. Sau khi ly hôn, ông Trần Hoàng L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, bà Trần Thị Diệu H cấp dưỡng nuôi hai con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Bà Trần Thị Diệu H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Diệu H và ông Trần Hoàng L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Diệu H và ông Trần Hoàng L đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị Diệu H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000177 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Trần Thị Diệu H còn phải nộp tiếp án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã S, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên